

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-4-2025
V/v ly hôn, tranh
chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thế Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thành Tâm.
- Ông Lương Thanh Nhân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thùy T, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 7, ấp T, xã P, huyện G, tỉnh K; tạm trú: Nhà trọ G, Số nhà 85, Đường D18, Tổ 27, Khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh B; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh C; tạm trú: Nhà trọ T, Khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh B; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thùy T trình bày:

Sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, bà Phạm Thùy T và ông Trần Văn T1 tiến đến hôn nhân. Bà T và ông T1 đăng ký kết hôn vào ngày 05/4/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố C, tỉnh C.

Sau khi kết hôn, bà T và ông T1 chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Từ năm 2020, bà T và ông T1 thường phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện tại, bà T xác định không còn tình cảm với ông T1. Nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Trần Văn T1.

Về con chung: Bà Phạm Thùy T và ông Trần Văn T1 có 01 con chung tên Trần Bảo A, sinh ngày 07/4/2015. Bà Phạm Thùy T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu ông Trần Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn T1 có văn bản trình bày:

Ông Trần Văn T1 và bà Phạm Thùy T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Bình, thành phố C, tỉnh C. Ông T1 thống nhất với bà T có 01 con chung tên Trần Bảo A, sinh ngày 07/4/2015. Ông T1 xác định giữa ông T1 và bà T có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và vợ chồng không còn sống chung với nhau. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thùy T thì ông Trần Văn T1 có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Văn T1. Do ông T1 không còn tình cảm với bà T nên ông T1 đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Trần Văn T1 yêu cầu giao con chung tên Trần Bảo A, sinh ngày 07/4/2015 cho bà Phạm Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông Trần Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thùy T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phạm Thùy T được ly hôn ông Trần Văn T1.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Bảo A, sinh ngày 07/4/2015 cho bà Phạm Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông Trần Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thùy T và ông Trần Văn T1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thùy T yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với ông Trần Văn T1, đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông Trần Văn T1 đang cư trú tại Nhà trọ T, Khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Phạm Thùy T và ông Trần Văn T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thùy T và ông Trần Văn T1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/4/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Định Bình, thành phố C, tỉnh C, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Bà Phạm Thùy T và ông Trần Văn T1 cùng cho rằng giữa bà T và ông T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà T và ông T1 xác định tình cảm không còn và hai người không còn sống chung với nhau. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Bà T và ông T1 không tìm ra được tiếng nói chung, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông T1 có 01 con chung tên Trần Bảo A, sinh ngày 07/4/2015. Bà T và ông T1 thống nhất giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thùy T và ông Trần Văn T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thùy T là có căn cứ.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thùy T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thùy T đối với ông Trần Văn T1 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thùy T được ly hôn với ông Trần Văn T1 .

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Bảo A, sinh ngày 07/4/2015 cho bà Phạm Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Trần Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phạm Thùy T và ông Trần Văn T1 đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thùy T và ông Trần Văn T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thùy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009808 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thế Chính

